

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1608/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 447/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “**Tranh chấp Ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2530/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Số 70 Đường 15, Khu phố 5, phường B, thành phố y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Số 25/52 Văn Cao, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 70 Đường 15, Khu phố 5, phường B, thành phố y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn Ông Đoàn Văn H trình bày:

[1] Ông Đoàn Văn H và Bà Trần Thị Thúy H tự nguyện tìm hiểu, năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, tháng 9 năm 2018 vợ chồng đã ly thân đến nay. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Bà Trần Thị Thúy H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai ông bà có 03 con chung tên Đoàn Đăng K (nam), sinh ngày 25/4/2010; Đoàn Đình N (nam), sinh ngày 10/9/2014; Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015.

Ly hôn Ông Đoàn Văn H giao 03 con chung cho Bà Trần Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Đoàn Đăng K (nam), sinh ngày 25/4/2010; Đoàn Đình N (nam), sinh ngày 10/9/2014 mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng (mỗi người con chung 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng), cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Ông H không cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[2] Bị đơn Bà Trần Thị Thúy H trình bày: Bà Trần Thị Thúy H xác nhận quan hệ hôn nhân đúng như Ông Đoàn Văn H trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng trong thời gian chung sống không hạnh phúc là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà Hạnh đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng ông H không thay đổi, không trở về đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Nay bà Hạnh không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Hai ông bà có 03 con chung tên Đoàn Đăng K (nam), sinh ngày 25/4/2010; Đoàn Đình N (nam), sinh ngày 10/9/2014; Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015.

Ly hôn Bà Trần Thị Thúy H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung. Bà Hạnh yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Đoàn Đăng K (nam), sinh ngày 25/4/2010; Đoàn Đình N (nam), sinh ngày 10/9/2014 mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng (mỗi người con chung 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng), cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Bà Hạnh không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Tại phiên tòa;

[1] Nguyên đơn Ông Đoàn Văn H: Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

[2] Bị đơn Bà Trần Thị Thúy H: Bị đơn có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên ý kiến theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 21/4/2022 như nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ông Đoàn Văn H và Bà Trần Thị Thúy H phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình và bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Ông Đoàn Văn H và bị đơn Bà Trần Thị Thúy H cùng có đơn yêu cầu vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đoàn Văn H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H yêu cầu ly hôn với Bà Trần Thị Thúy H.

Vấn đề này, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa Ông Đoàn Văn H và Bà Trần Thị Thúy H là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số một do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/7/2009. Theo ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà Hạnh bắt đầu từ năm 2015 do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, tháng 9 năm 2018 vợ chồng ông đã ly thân đến nay. Nên vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Bà Trần Thị Thúy H để ổn định cuộc sống.

[2.2] Đối với ý kiến của bị đơn Bà Trần Thị Thúy H: Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Về mâu thuẫn gia đình, bị đơn cho rằng vợ chồng trong thời gian chung sống không hạnh phúc là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bị đơn đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng nguyên đơn không thay đổi, không trở về đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến vợ con. Nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện và các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Nên HĐXX, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Căn cứ lời khai của Ông Đoàn Văn H phù hợp với các giấy khai sinh số 164 ngày 29/5/2010; giấy khai sinh số 367, quyển 02/2014 ngày 01/10/2014; giấy khai sinh số 554, quyển 03/2015 ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có đủ căn cứ xác định ông H và bà Hạnh có 03 con chung tên Đoàn Đăng K (nam), sinh ngày 25/4/2010; Đoàn Đình N (nam), sinh ngày 10/9/2014; Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015. Ly hôn nguyên đơn giao 03 người con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, vì thực tế bị đơn hiện đang nuôi dưỡng 03 trẻ trên và cả 03 trẻ cũng có ý kiến là muốn được sống với mẹ và điều này cũng phù hợp, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên đơn cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Đoàn Đăng K (nam), sinh ngày 25/4/2010; Đoàn Đình N (nam), sinh ngày 10/9/2014 mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng (mỗi người con chung 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng), cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi. Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015. Đây là sự tự nguyện giữa nguyên đơn và bị đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[2.6] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H được ly hôn Bà Trần Thị Thúy H.

1.2/ Về con chung: Có 03 con chung tên **Đoàn Đăng K** (nam), sinh ngày 25/4/2010; **Đoàn Đình N** (nam), sinh ngày 10/9/2014; Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015.

Giao 03 con chung tên **Đoàn Đăng K** (nam), sinh ngày 25/4/2010; **Đoàn Đình N** (nam), sinh ngày 10/9/2014; Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015 cho Bà Trần Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Đoàn Văn H cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên **Đoàn Đăng K** (nam), sinh ngày 25/4/2010; **Đoàn Đình N** (nam), sinh ngày 10/9/2014 mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng (mỗi người con chung 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng), cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Ông Đoàn Văn H không cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Đan L (nữ), sinh ngày 22/12/2015.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ **khi quyết định** có hiệu lực và **người có đơn yêu cầu** thi hành án mà **người phải thi hành án** chưa thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ số tiền trên cho **người được thi hành án** thì hàng tháng **người phải thi hành án** còn phải **chịu thêm** khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại **Điều 357 và khoản 2 Điều 468** Bộ Luật Dân sự trên số tiền **gốc** và khoảng thời gian chậm thi hành án.

1.3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng nguyên đơn **Ông Đoàn Văn H** phải chịu, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0026027 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đoàn Văn H còn phải nộp 300.000 (**Ba trăm nghìn**) đồng.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực **hiện việc ĐKKH**;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan